

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN KIM 2
Số: 100 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sơn Kim 2, ngày 14 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2021

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Chính phủ và Chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22/12/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 61/NQ-HĐND, ngày 20/01/2021 của HĐND Xã Sơn Kim 2 về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho xã Sơn Kim 2;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2021 với số liệu cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách : **12.852.544.448 đ**

Trong đó: - Các khoản thu tại xã: 2.268.166.781đ
- Thu bổ sung cân đối ngân sách : 5.796818.000đ
- Thu bổ sung có mục tiêu: 3.553.101.200đ
- Thu kết dư ngân sách: 467đ
- Thu chuyển nguồn năm trước: 1.234.458.000 đ
(Chi tiết có tại biểu phụ lục báo cáo kèm theo)

2. Tổng chi ngân sách: **12.852.544.448 đ**

Trong đó: - Chi đầu tư phát triển: 4.478.878.000 đ
- Chi thường xuyên: 7.983.772.948đ
- Chi chuyển nguồn sang năm 2022: 389.893.500 đ
(Chi tiết có tại biểu báo cáo kèm theo)

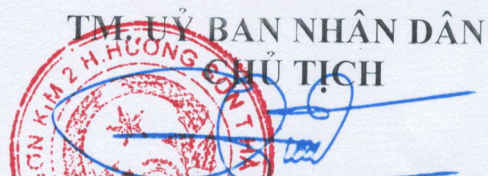
3. Kết dư ngân sách: **0đ**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Bộ phận Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính;
- Tài chính – Kế toán (gián niêm yết tại trụ sở);
- Lưu: VP-UBND, TC.



BIÊN BẢN

Niên yết công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2021

I. Thời gian: ngày 14 tháng 7 năm 2022

II. Địa điểm: Tại Trụ sở Ủy ban nhân dân Xã Sơn Kim 2

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng 8 thôn.

IV. Nội dung:

1. Ông Cù Mạnh Tuấn - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

2. Thông báo các nội dung công khai
Công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2021

3. Hình thức công khai

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 8 thôn
- Công khai qua công thông tin điện tử xã

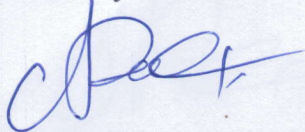
4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 2, nhà văn hoá 8 thôn
- Thời gian niêm yết: từ ngày 14/ 7/ 2022 đến ngày 14/ 8/ 2022

5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, thôn trưởng 8 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, thôn trưởng 8 thôn 11h30 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký



Phan Thị Nương

Chủ tịch



Cù Mạnh Tuấn

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT
Tổng số thu	12.852.544.448	Tổng số chi	12.852.544.448
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	52.691.728	I. Chi đầu tư phát triển	4.478.800
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.215.475.053	II. Chi thường xuyên	7.106.300
III. Thu bổ sung	9.349.919.200	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	389.800
- Bổ sung cân đối	5.796.818.000	IV. Chi nợ trả ngân sách cấp trên	877.400
- Bổ sung có mục tiêu	3.553.101.200		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	467		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.234.458.000		
Kết dư ngân sách	0		

KẾ TOÁN



Lê Thị Thanh Minh

Ngày 14 tháng 7 năm 2022

T.M.: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH



Cử Mạnh Tuấn

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	NSNN 5 = 3/1	THU 6 =		
A	Tổng số thu	6.388.166.000	6.188.966.000	15.412.230.174	12.852.544.448	241,26			
I	Các khoản thu 100%	70.000.000	70.000.000	56.576.840	52.691.728	80,82			
1	Phí, lệ phí	35.000.000	35.000.000	19.906.000	19.906.000	56,87			
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			36.670.840	32.785.728				
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định								
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	35.000.000	35.000.000						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	426.000.000	226.800.000	4.771.275.667	2.215.475.053	1120,02			
1	Các khoản thu phân chia	40.000.000	40.000.000	46.775.301	46.775.301	116,94			
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			4.100.000	4.100.000				
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			42.675.301	42.675.301	106,69			
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	40.000.000	40.000.000	4.724.500.366	2.168.699.752	1223,96			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	386.000.000	186.800.000	3.940.675.000	1.970.337.500	1313,56			
21	Thu tiền sử dụng đất	300.000.000	150.000.000	9.070.090	4.821.027	151,17			
22	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	6.000.000	1.800.000						
23	Thuế tài nguyên								
24	Thuế giá trị gia tăng	50.000.000	20.000.000	774.755.276	193.541.225	1549,51			
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.000.000	15.000.000						

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QI/DI(%)	
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2
	TỔNG CHI	6.188.966.000	151.800.000	6.037.166.000	12.852.544.448	4.478.878.000	8.373.666.448	207,67	2950,51
	Trong đó:								
1	Chi giáo dục	18.000.000		18.000.000	1.072.964.000	1.072.964.000		5960,91	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ								
3	Chi y tế	48.850.000		48.850.000	5.600.000		5.600.000	11,46	
4	Chi văn hóa, thông tin	18.000.000		18.000.000	72.249.400		72.249.400	401,39	
5	Chi phát thanh, truyền thanh	27.900.000		27.900.000	13.970.000		13.970.000	50,07	
6	Chi thể dục, thể thao	81.500.000		81.500.000	76.093.000	76.093.000		93,37	
7	Chi bảo vệ môi trường								
8	Chi các hoạt động kinh tế	214.800.000	151.800.000	63.000.000	3.167.657.000	2.794.227.000	373.430.000	1474,7	1840,73
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.296.699.000		5.296.699.000	5.507.449.048	535.594.000	4.971.855.048	120,54	
10	Chi cho công tác xã hội	193.000.000		193.000.000	181.767.000		181.767.000	94,18	
11	Chi khác	54.300.000		54.300.000	1.487.451.500		1.487.451.500	2739,32	
12	Dự phòng	235.917.000		235.917.000					
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				389.893.500		389.893.500		
14	Chi nộp ngân sách cấp trên				877.450.000		877.450.000		

KÊ TOÁN



Lê Thị Thanh Minh



Ngày 14 tháng 7 năm 2022
 T.M. H.V. B. N. B. N.
 CHỦ TỊCH
 HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Cử Mạnh Tuấn